

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH NHẪM THỰC HIỆN NHẤT QUẢN CHÍNH SÁCH KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

GS.TS. TRẦN VĂN CHÁNH
Đại học Kinh tế TP.HCM

Để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để huy động sức mạnh của toàn dân vào việc khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng xa, cần phải phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Chúng ta khẳng định đó là chủ trương có tính chiến lược trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

6 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÓ

1. Kinh tế ngoài quốc doanh (KTNQD)

Đảng ta đã xuất phát từ thực tế của nước ta và vận dụng quan điểm của V.I.Lenin: "coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kì quá độ" (VK. DH VI trg 56). Ở nước ta các thành phần kinh tế đó bao gồm: thành phần kinh tế nhà nước (bộ phận kinh tế mà nhà nước là chủ sở hữu); kinh tế hợp tác (những người sản xuất nhỏ có nhu cầu tập hợp lại); kinh tế tư nhân (gồm cá thể, tiểu chủ, kinh tế gia đình...); thành phần kinh tế tư bản nhà nước (với nhiều hình thức). Ở đây chúng tôi muốn có một vài ý kiến về đổi mới cơ chế quản lý đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (TPKTNQD) nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng.

Từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng các cơ sở sản xuất thuộc TPKTNQD đã hình thành và phát triển rộng khắp, cung cấp một phần quan trọng sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trong cả nước có gần 2 triệu lao động trong các ngành tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải. Lực lượng này đã sản xuất ra khoảng 60% giá trị sản lượng CN địa phương, 25% giá trị sản phẩm xuất khẩu.

Tại TP.HCM, số lượng cơ sở KTNQD từ 21.897 năm 1990 tăng lên 23.112 đơn vị năm 1994. Riêng về công ty và doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn TP.HCM, tính đến tháng 3.1995, có 4.361 doanh nghiệp được cấp giấy phép với tổng số vốn 2.832 tỷ đồng. Cụ thể là:

	Số cơ sở		Vốn đăng ký kinh doanh	
	Tổng số	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng số trong đó chia ra:	4.361	100.0	2.832	100.0
- DN tư nhân	1.797	41.2	377	13.3
- Công ty TNHH	2.496	57.2	1937	68.4
- Công ty cổ phần	68	1.6	518	18.3

(Nguồn: số liệu của Cục thống kê TP.HCM)

Trong số này có 846 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chiếm tỷ trọng 20%, số còn lại phần lớn nằm trong ngành thương mại, dịch vụ.

Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm cho người lao động.v.v..Đảng ta chủ trương đi đôi với phát triển kinh tế quốc doanh, cần khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác để phát triển lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

2. Đặc điểm của các TPKTNQD

Nhìn suốt quá trình phát triển của TPKTNQD chúng tôi thấy nổi lên mấy đặc điểm sau:

a. Phát triển thất thường lúc lên, lúc xuống tùy thuộc vào các chính sách quản lý cụ thể của nhà nước (quan niệm đánh giá, chính sách thuế, chính sách xuất nhập khẩu, lãi suất cho vay ...). Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay có chiều hướng phát triển nhanh.

b. Có bản chất của nền sản xuất hàng hóa nhỏ trong một nước kinh tế kém phát triển, dựa trên chế độ tư hữu về TLSX v.v..nên mang nặng tính tự phát, đổ xô vào kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ hơn là sản xuất.

c. Có tiềm năng lớn chưa được khai thác về lao động, tiền vốn, tay nghề, kinh nghiệm tổ chức quản lý các DN nhỏ v.v...cần có một cơ chế quản lý thích hợp để huy động tiềm năng này.

d. Gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm do thị trường trong nước còn hạn hẹp, thu nhập của người

dân thấp, hàng ngoại nhập lậu cạnh tranh. Thị trường thế giới hầu như đã an bài, chen chân vào rất khó. Hàng xuất khẩu của ta phần lớn dưới dạng thô nên giá trị không cao.

e. Thiết bị kỹ thuật và công nghệ lạc hậu phần lớn thuộc thập kỷ 60, dẫn đến năng suất thấp, chất lượng xấu, giá thành cao, sức cạnh tranh của sản phẩm kém. Phần lớn các cơ sở thiếu vốn mua kỹ thuật và công nghệ tiên tiến.

f. Thiếu thông tin của thị trường thế giới (về sản phẩm, giá cả), nhu cầu thị hiếu, kỹ thuật, công nghệ v.v... của thế giới. Rất cần được sự giúp đỡ, hỗ trợ của nhà nước trong khâu hướng dẫn phương hướng, cung cấp thông tin.

g. Đội ngũ cán bộ quản lý chưa qua trường lớp đào tạo, không biết ngoại ngữ, chưa quen hoạt động trong một thị trường cạnh tranh sôi động, chưa đủ bản lĩnh, trình độ làm việc liên doanh với nước ngoài.

Qua các đặc điểm nói trên cho thấy nhà nước cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp nhằm giúp đỡ các TPKNQD về vốn công nghệ kỹ thuật, thông tin thị trường, hệ thống luật pháp v.v... nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Khuyến khích họ đầu tư vào các ngành và lĩnh vực theo định hướng qui hoạch chung. Bảo vệ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của họ. Từng bước hình thành các tổ chức Đảng, công đoàn tại các doanh nghiệp và công ty tư nhân.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TPKNQD

Đảng và nhà nước cần tạo được lòng tin vững chắc và môi trường xã hội thuận lợi cho các TPKNQD và các nhà đầu tư tư nhân bỏ vốn ra kinh doanh. Kinh tế tư nhân kinh doanh hợp pháp cần được khuyến khích và bảo vệ bằng luật pháp. Họ phải được thực sự bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh và được tôn trọng về mặt xã hội. Từ đó Đảng đề ra các quan điểm cơ bản đối với các TPKNQD như sau:

1. Công nhận sự tồn tại lâu dài của các TPKNQD không chỉ trong thời kỳ quá độ mà suốt trong quá trình xây dựng CNXH. Coi đó là qui luật của sự phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Nhà nước thừa nhận quyền sở hữu chính đáng và hợp pháp về TLSX và nguồn vốn của các nhà đầu tư tư nhân; bao gồm cả quyền thừa kế, chuyển nhượng tài sản. Nhà nước không chủ trương cải tạo các TPKNQD và quốc hữu hóa tài sản của họ, để cho họ vì hiệu quả kinh doanh mà chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tự nguyện rút khỏi doanh trường. Các doanh nghiệp tư nhân tồn tại đến bao giờ là do chủ sở hữu quyết định.

2. Thực hiện nguyên tắc dân chủ, công bằng, bình đẳng về chính trị xã hội giữa các bộ phận lao động xã hội. Đánh giá và đối xử với người lao động căn cứ vào sản phẩm của cải do họ đóng góp cho xã hội (không dựa vào nơi làm việc là nhà nước, HTX hay tư nhân...). Trọng dụng nhân tài, xóa bỏ định kiến, phân biệt đối xử, cấm đoán và những ràng buộc vô lý khác.

3. Thực hiện đầy đủ chế độ tự quản đối với các cơ sở sản xuất thuộc TPKNQD. Kế hoạch sản xuất kinh doanh do chính cơ sở lập và tổ chức thực hiện theo sự hướng dẫn của nhà nước thông qua thị trường. Họ tự nguyện tham gia hoặc không tham gia liên kết với các đơn vị khác (kể cả với các DNN).

4. Thực hiện nguyên tắc thành phần kinh tế nào làm ở ngành nghề gì tốt, có lợi thì sử dụng thành phần kinh tế đó. Thực hiện chính sách phát triển không hạn chế về qui mô kinh doanh và địa bàn hoạt động trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm tư nhân kinh doanh.

5. Khuyến khích mọi người lao động làm giàu hợp pháp từ lao động, tay nghề, tiền vốn của mình. Thực hiện nguyên tắc "có làm, có hưởng; có vốn - có lời". Chấp nhận

sự chênh lệch chính đáng, dù gấp nhiều lần trong thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

Quan điểm cơ bản của Đảng và nhà nước đối với các TPKNQD là giải phóng con người, phát huy mọi tài năng và sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội; làm cho mọi người tự giác góp sức của mình để phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện dân giàu, nước mạnh.

III. HƯỚNG ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỘC TPKNQD

Việc khẳng định chủ trương chiến lược về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và vị trí của TPKNQD trong cơ cấu kinh tế phải được thể hiện trong các chính sách và cơ chế quản lý rõ ràng, thông thoáng và nhất quán.

1. Những yêu cầu cơ bản trong việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với TPKNQD

a. Khuyến khích các cơ sở sản xuất và các nhà đầu tư yên tâm, đem hết tài năng, sức lực, tiền vốn, phương tiện vật chất để phát triển sản xuất - kinh doanh, góp phần phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

b. Tôn trọng và bảo đảm thực hiện nguyên tắc: "bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi" và chế độ tự quản của các cơ sở trên 3 lĩnh vực: sản xuất, quản lý và phân phối. Thật sự gắn lợi ích của người sản xuất với lợi ích của xã hội.

c. Phát huy chức năng kiểm kê - kiểm soát của nhà nước với các cơ sở này thông qua pháp luật, các công cụ điều tiết khác. Tổ chức các hiệp hội theo ngành kinh tế - kỹ thuật

2. Hướng đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các TPKNQD

a. Về qui hoạch, kế hoạch: xây dựng và hoàn chỉnh các qui hoạch phát triển ngành, vùng kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Hoàn thiện công tác kế hoạch hóa cho phù hợp với cơ chế thị trường. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do cơ sở tự quyết định tùy theo khả năng về lao động, vật tư, tiền vốn, nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng v.v...

Quan hệ ngang giữa các đơn vị khác dựa theo chế độ hợp đồng kinh tế trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi. Nhà nước sẽ can thiệp vào thị trường để khắc phục những biến động bất lợi và khiếm khuyết của thị trường.

b. Vật tư, thiết bị: nhà nước nên dành một phần vật tư bán cho các cơ sở tư nhân, có chính sách phát triển một số vùng trồng và khai thác nguyên liệu trong nước dành cho khu vực này.

Các cơ sở sản xuất được liên kết, tổ chức khai thác, thu mua nguyên liệu; được mua thiết bị của các DNN theo giá thỏa thuận, được đấu thầu nhận các hợp đồng của nhà nước về cung ứng sản phẩm và dịch vụ.

c. Về tiêu thụ sản phẩm: sản phẩm được tiêu thụ theo hợp đồng. Các cơ sở được tổ chức của hàng giới thiệu và bán sản phẩm; tổ chức bảo hành, sửa chữa. Các cơ sở làm hàng xuất khẩu hoặc gia công được sử dụng ngoại tệ mua vật tư để tái sản xuất. Được ủy thác hoặc trực tiếp xuất - nhập khẩu, liên doanh với các công ty nước ngoài.

d. Về khoa học, công nghệ: nhà nước khuyến khích các đơn vị đầu tư mua sắm công nghệ mới, hiện đại, miễn giảm một phần thuế trong các năm đầu áp dụng, ưu tiên cho vay vốn. Các cơ sở và cá nhân được giữ bản quyền sáng chế, phát minh và được khen thưởng xứng đáng. Có chính sách ưu đãi với các nghệ nhân thủ công mỹ nghệ.

e. Về lao động, tiền lương: các cơ sở được quyền thuê mướn lao động theo yêu cầu của sản xuất. Bảo đảm thực hiện mức lương tối thiểu do nhà nước qui định theo đúng luật lao động.

Nhà nước, một mặt, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển sản xuất; mặt khác, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh bộ luật lao động.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 7

f. Về tài chính, kế toán: các đơn vị phải thực hiện đúng chế độ đăng ký kinh doanh, chế độ kế toán, kiểm toán thống nhất; được huy động vốn với nhiều hình thức (góp vốn, vay vốn), được chọn ngân hàng để mở tài khoản giao dịch v.v...

3. Hoàn thiện chức năng quản lý vĩ mô của nhà nước đối với TPCKTNQD

Hiện nay công tác quản lý của nhà nước đối với TPCKTNQD mới chỉ tập trung ở khâu xét cho đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép. Việc giám sát, nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh, doanh thu và các nhân sự chủ chốt của các cơ sở chưa làm được.



Xử lý các vi phạm pháp luật trong quan hệ kinh tế với nhau chưa nghiêm khắc, kéo dài; thiếu các biện pháp chế tài hữu hiệu.

Bộ máy quản lý đối với các TPCKTNQD cần được tăng cường và củng cố để có khả năng vận dụng đồng bộ cơ chế quản lý và các công cụ điều tiết vĩ mô của nhà nước. Cần có một cơ quan chuyên trách giúp UBND các cấp làm chức năng: giám sát hoạt động của các cơ sở về doanh số, lợi nhuận, cách huy động vốn; thực hiện các thủ tục thanh lý tư pháp khi doanh nghiệp phá sản. Kiểm tra việc chấp hành các chủ trương chính sách, kiến nghị với nhà nước để hoàn thiện, sửa đổi các chính sách.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán - thống kê và kiểm toán, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước về kinh tế thông qua chức năng kiểm kê - kiểm soát.

Tổ chức tổng điều tra để phân loại, đánh giá tiềm năng và năng lực hoạt động của các cơ sở thuộc TPCKTNQD nhằm áp dụng một số chính sách ưu đãi đối với các cơ sở thực sự có năng lực và kinh doanh lành mạnh, giải quyết các đơn vị thua lỗ.

Thiết lập định chế "Quỹ phát triển triển kinh tế quốc gia" nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư liên quan đến các chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giúp phát triển các doanh nghiệp có qui mô nhỏ thuộc các TPCKTNQD nhằm thu hút lao động chưa có việc làm tại các thành thị và nông thôn.

Chủ trương của Đảng và nhà nước ta là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Do đó, chúng ta phải chấp nhận mọi qui luật phạm trù có liên quan đến sản xuất hàng hóa. Trên cơ sở đó xây dựng một cơ chế quản lý phù hợp với nó.

Một cơ chế quản lý có hiệu quả phải là cơ chế mà qua đó khai thác được mọi tiềm năng của đất nước để phát triển sản xuất, điều tiết được lưu thông, tiêu dùng và tích lũy; là cơ chế đem lại lợi ích thiết thực cho người lao động trong cuộc sống hiện tại và làm cho họ thấy được triển vọng của tương lai: "dân giàu, nước mạnh; xã hội công bằng, văn minh" ■

8 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NHÂN VẬT CHỈ VÙNG CHÂU Á VEN THÁI BÌNH DƯƠNG

**Một cuốn sách giới thiệu
doanh nghiệp và
lãnh đạo doanh nghiệp
Việt Nam
cho thị trường Mỹ.**

Vào ngày 3.7.1995, nhà xuất bản Barons Who's Who (BWW) ở California-Mỹ vừa gửi đến tạp chí *Phát triển kinh tế* một tài liệu nhằm thực hiện ý định xuất bản một ấn phẩm của họ viết về những nhân vật ở vùng Châu Á ven Thái Bình Dương (*Who's Who of the Asian Pacific Rim*).

Ấn phẩm này là một cuốn sách tham khảo có giá trị, được nghiên cứu và biên soạn nhằm cung cấp những thông tin thực tiễn quan trọng cho giới điều hành doanh nghiệp trên khắp nước Mỹ cũng như toàn thế giới. Mỗi phần của cuốn sách đều được thiết kế sao cho giới kinh doanh Mỹ có thể dễ dàng tiếp cận với các cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan doanh nghiệp trên toàn Việt Nam cũng như các nước khác trong khu vực.

Theo ông John L. Pellam, giám đốc biên tập của nhà xuất bản BWW thì, ảnh hưởng của Việt Nam ngày càng tăng trên thế giới, vì vậy trong thời gian tới, ấn phẩm này sẽ dành sự chú ý đúng mức để giới thiệu các nhân vật có nhiều thành đạt ở Việt Nam. Đó là những người có thành tích nổi bật trong giao thương quốc tế. Học vấn, sự nghiệp, các giải thưởng cùng các công trình cá nhân của những nhân vật này cũng là những yếu tố để xét tuyển đưa vào sách.

Muốn được xét để đăng trên ấn phẩm này, các cá nhân gửi bản lược sử bản thân, quá trình học vấn và chuyên môn kèm theo thông tin về phương tiện liên lạc như địa chỉ số điện thoại và fax đến nhà xuất bản Barons Who's Who, số fax: (714) 786-8918, hoặc qua bưu điện: 412 North Coast Highway B-110, Laguna Beach, CA 92657 USA. Bản tóm lược phải viết bằng tiếng Anh, khoảng 2 trang.

Theo yêu cầu của nhà xuất bản nói trên, tạp chí *Phát triển kinh tế* xin thông báo đến bạn đọc biết ■